

# Nét mới trong bức tranh tôn giáo Đông Nam Á thế kỷ XIII

BÙI THỊ ÁNH VÂN\*

## 1. Tại Đông Nam Á (ĐNA) lục địa

### *Campuchia*

Vào giữa thế kỉ XII, tại Campuchia, Phật giáo Đại thừa và Bàlamôn giáo mờ nhạt dần, đặc biệt dưới triều vua Pharanindravacman II (khoảng giữa thế kỉ XII) và triều vua Jayavacman VII (1181-1218). Đến giữa thế kỉ XIII, người Thái xâm nhập vào Campuchia và mang theo Phật giáo Tiểu thừa. Tôn giáo này đã nhanh chóng bám rễ và ngày càng phát triển rộng rãi ở Campuchia với tác động “cách mạng”. Trong cuốn “Chân Lạp phong thổ ký”, Chu Đạt Quan cho biết: Ở Campuchia khi đó đã có các tín đồ sư sãi của dòng Phật giáo Tiểu thừa; và từ sau Jayavacman VII, Phật giáo Tiểu thừa Xây-lan ngày càng lớn mạnh ở Campuchia. “Làng nào cũng có điện thờ hoặc tháp Phật giáo (stupa). Đức vua cũng đi lễ Phật. Ông từng đến một ngôi chùa bằng vàng, trước cửa có một tượng Phật bằng vàng”[1]. Tôn giáo này đã dần đẩy Bàlamôn giáo vào nơi cuối cùng là triều đình và hoàng gia.

Lúc triều đại Ăng-co suy tàn cũng là lúc Phật giáo Tiểu thừa Xây-lan chính thống do người Môn du nhập vào Mianma

và được người Thái truyền bá rộng rãi ở ĐNA lục địa, đã nhanh chóng thay thế cho Bàlamôn và Phật giáo Đại thừa.

Như vậy, từ giữa thế kỉ XIII trở đi, Phật giáo Tiểu thừa được truyền bá và ngày càng có đông đảo số lượng tín đồ, lấn át và đánh bại dần Phật giáo Đại thừa và Bàlamôn giáo. Và như thế, thành phần cư dân trong xã hội có sự thay đổi. Nói đúng hơn, đời sống tinh thần của người Campuchia đã khác trước. Tín đồ Phật giáo Tiểu thừa ngày một chiếm ưu thế trong thành phần cư dân Campuchia.

### *Mianma*

Từ nửa sau thế kỉ XII, đặc biệt dưới triều đại vua Narapatisithu (1173-1210), Phật giáo Tiểu thừa Xây-lan bắt đầu được du nhập vào Mianma. Và người đầu tiên có công truyền bá tôn giáo này là người Môn.

Dưới triều đại Pagan, Mianma được đánh giá là thực sự bước vào kỷ nguyên mới, được nhận định là “*thế kỷ vàng*” của đất nước này [2]. Các ông vua Mianma mộ đạo có rất nhiều chính sách để cổ vũ, khuyến khích tôn giáo này phát triển và trở thành tôn giáo chính thống trong cả nước. Dưới sự chỉ đạo của Shin Araham, các nhà sư toả đi khắp nơi để truyền giáo.

---

\* Ths. Bùi Thị Ánh Vân, Trường Cao đẳng Nội vụ Hà Nội

Vì vậy số lượng tín đồ ngày càng tăng lên đáng kể. Hàng ngũ tăng lữ xuất hiện và dần trở thành lực lượng xã hội đáng kể, được tổ chức theo một hệ thống chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương.

Chùa chiền, tu viện ngày càng nhiều. Đây là nơi tôn nghiêm nhất, nên dù chiến tranh có xảy ra liên miên, nhưng các ngôi chùa vẫn bình yên. Thời Pagan, mỗi ông vua đều cố gắng xây dựng một ngôi chùa lớn. Có thể nói mật độ di tích kiến trúc chùa tháp ở Pagan dày đặc. Tiêu biểu có thể kể đến những ngôi chùa như: Chùa Annada, chùa Dhammyangyi, chùa Sabbannu... Thời đại Pagan được coi là thời kì xây dựng đền miếu vĩ đại nhất trong lịch sử kiến trúc Mianma. Các nhà sử học nhận định: Việc xây dựng hàng loạt các chùa lớn thời Pagan thể hiện vai trò to lớn đối với đời sống kinh tế-xã hội của nhân dân Miến. Giáo sư A.S.Phua-ni-van trong cuốn "*Chính sách và thủ đoạn thực dân*" đã viết: "Chính Phật giáo là khuôn thước của đời sống tư tưởng xã hội Miến. Và cho đến tận ngày nay đối với người dân Miến và Phật tử, trên thực tế vẫn đồng nhất, không thể tách rời. Tất cả đời sống chính trị, xã hội Miến từ Hoàng thành cho tới thôn xã đều xoay quanh Phật giáo và tăng đồ Phật giáo" [3].

Cư dân Mianma từ đây đi theo Phật giáo Tiểu thừa. Người Miến đồng nghĩa với Phật tử. Đó cũng là nguyên nhân cơ bản để tạo nên sự hoà hợp giữa người Môn, Pyu và người Miến. Phật giáo Tiểu thừa Theravada được truyền bá rộng rãi và ăn sâu trong tư tưởng của những người dân nơi đây và trở nên "Miến Điện hoá, xã hội hoá trên qui mô rộng lớn và sâu sắc tới mức trở thành một đặc trưng văn hoá truyền thống." [4]. Đạo Phật Tiểu thừa thực sự trở thành phong trào quần chúng

và có ảnh hưởng sâu rộng đến quần chúng nhân dân.

### Lào

Năm 1253, nhà nước Nam Chiếu bị tan rã dưới vó ngựa của quân Mông cổ. Đại bộ phận cư dân Thái không chịu được sự tàn phá của quân Mông cổ đã tiến hành di cư với tốc độ ào ạt xuống phía Nam. Một bộ phận người Thái đã đến thượng lưu và vùng tả ngạn sông Mê-kông (nay thuộc lãnh thổ Lào.). Ở Lào lúc đó, các nhà nước thống nhất chưa được thành lập mà vẫn chỉ là các "mường cổ". Người Thái vào và sống hoà trộn với người Lào (người Khạ), trở thành những chủ nhân chủ yếu của đất nước này và được gọi tên chung là "người Lào". Người Thái theo Phật giáo Tiểu thừa, nên khi vào đây họ đã mang theo tôn giáo này và truyền bá rộng rãi trong quá trình sinh sống với người Khạ.

Tiếp đó, đến XIV, Phật giáo Tiểu thừa cũng theo người Khơ-me xâm nhập vào Lào, càng khiến cho tôn giáo này có điều kiện để phát triển mạnh hơn. Đến thời vua Xam Xêm Thay (1373-1416), đạo Phật Theravada ngày càng được xác lập vị trí quốc giáo. Dưới triều đại vua Phô Thi Xa lạt (1520-1549), nhà vua cấm nhân dân Lào thờ "ma". Từ đó, đạo Phật càng phát triển. Đến thời vua Sulinka Vônga thì tôn giáo phát triển đến mức chiếm vị trí tuyệt đối trong đời sống xã hội Lào.

### Thái Lan

Thế kỉ XIII, khi nhà nước Sukhôthay ra đời và người Thái đã trở thành cư dân chủ thể của một quốc gia thống nhất. Người Thái đã nhiệt tình chào đón dòng Phật giáo Tiểu thừa Theravada từ Srilanka tới làm quốc giáo.

Dưới sự cai quản của quốc vương Rama Kâmheng, người Thái đã hấp thu được

những yếu tố tốt đẹp nhất của nền văn minh mà họ tiếp xúc. Quốc vương rất chú ý đến việc chấn hưng văn hoá giáo dục, tích cực đề xướng Phật giáo Srilanka. Rama Kāmheng đã thỉnh cầu tăng đoàn Phật giáo Srilanka ở Lục khôn đến để hoàng dương Phật pháp. Nhà vua đã cho xây dựng chùa Aranik để cung dưỡng một vị tăng có trí tuệ cao siêu; đồng thời cho xây dựng nhiều công trình Phật giáo khác. Thành phố Sukhōthay có rất nhiều công trình Phật giáo đồ sộ bao bọc bên trong tường thành. Ở Thái Lan khi đó, ai ai cũng theo Phật giáo: “Đức vua Rama Kāmheng, vị chúa tể xứ Sukhōthay này, cùng các hoàng thân, công chúa, quý tộc, tướng lĩnh, đàn ông cũng như đàn bà chẳng từ một ai, không phân biệt ngôi thứ đều thờ Phật” [5].

Giữa chùa chiền và nhà vua có mối quan hệ chặt chẽ. Hầu như các triều đại ở Thái Lan đều phải dựa vào uy tín và sức mạnh của giới tăng lữ Phật giáo. Trong triều đình cũng như ngoài xã hội, uy tín của nhà sư là rất lớn. Mọi người đều coi trọng nhà sư. Sư gắn gũi với dân chúng, là người bảo vệ đạo đức truyền thống của Phật giáo, là người thường xuyên dạy bảo cho người Thái phải sống như thế nào cho đúng với những giáo lí của Phật pháp. Ở Thái Lan cũng như Mianma, con trai phải đi tu vài tháng và “hàng năm có khoảng 10% số nam giới ở Thái Lan sống trong các nhà chùa”, “gia tài của họ lúc này chỉ có 3 tấm áo cà sa màu vàng, một chiếc bát sắt, một chiếc kim, một chiếc đai lưng và một mảnh vải lọc nước.”[6]. Nhà chùa vừa là trung tâm tôn giáo vừa là trung tâm của xã hội, là một trong năm thành phần của cơ cấu làng xã ở Thái Lan (Gia đình, dòng họ, dòng tộc, chùa và trường học.). Những giáo lí của Phật giáo Tiểu thừa đã thấm

nhuần trong đời sống tư tưởng của người Thái. Có lẽ vì thế mà một số nhà sử học đã nhận định rằng: “Việc truyền bá Phật giáo Tiểu thừa trong thế kỉ XIII cũng có vai trò quan trọng trong việc “kết dính”, tạo nên một xã hội mới ở Sukhōthay khi đó” [7].

## 2. Tại ĐNA hải đảo

Các quốc gia ĐNA hải đảo có nhiều hương liệu, khoáng sản và đặc biệt có nhiều thương cảng thuận lợi cho việc buôn bán. Do đó thương gia các nước (trong đó cơ bản là người Ấn Độ), đến đây buôn bán và truyền đạo ngày một nhiều, đặc biệt từ thế kỉ XIII. “Các thương cảng và các trung tâm buôn bán đã được mở mang và phát triển dọc theo các bờ biển ĐNA. Đó cũng là môi trường hết sức thuận lợi cho những thương nhân Hồi giáo đến đây buôn bán và truyền đạo”[8].

Indônêxia là quốc gia đầu tiên ở khu vực ĐNA tiếp thu Hồi giáo qua các thương gia Ấn Độ bằng con đường giao lưu buôn bán. Sang thế kỉ XIII, nhiều thương nhân Ấn Độ theo đạo Hồi đã đến đây. Theo giáo sư Lương Ninh và giáo sư Đặng Đức An thì “chắc chắn rằng người Ấn Độ Hồi giáo đã góp phần rất quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của thủ công và thương nghiệp ở đây, phát triển kinh tế và sự phân hoá xã hội”[9]. Cùng với sự giao lưu và phát triển kinh tế, đạo Hồi theo đó mà phát triển ngày càng phổ biến, thậm chí phát triển nhanh chóng và dồn ép các tôn giáo cũ.

Theo tài liệu cổ ở Trung Quốc, đạo Hồi vào Indônêxia còn sớm hơn nữa. Bởi lẽ, năm 1281 Malayu đã cử hai sứ thần theo đạo Hồi sang triều cống Hoàng đế nhà Nguyên. Một hiện vật khảo cổ có bia ký 1296 tìm thấy ở Sumadra đã nói về Hồi

vương Sumadra đã qui theo đạo Hồi và nhưng người Hồi giáo đã làm chủ hải cảng này. Ở khu vực lân cận Sumadra- vùng Pai-xai đã tìm thấy những di vật cổ xưa nhất dưới hình thức mộ chí có niên đại 1297 của vua Malikan Salek- nhà vua theo đạo Hồi.

Cuối thế XIV, đạo Hồi đã tràn khắp Indônêxia. Đã có một số quý tộc theo Hồi giáo, dựa vào người Ấn-Hồi, tự lập làm tiểu quốc vương, nhân đà đó mà cát cứ. Một số tiểu quốc khác, thậm chí do chính người Ấn-Hồi lập nên. Indônêxia rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng và phân biệt thành hàng loạt nước nhỏ, mà hầu hết theo Hồi giáo.

Tiêu biểu cho các quốc gia ĐNA theo Hồi giáo là Malacca. Việc cải giáo sang đạo Hồi của Sumadra- Parai; Malacca, Bắc Java và các vùng khác của quần đảo Mã lai, góp phần thúc đẩy việc buôn bán quốc tế với phương Tây và sự lớn mạnh của các quốc gia Hồi giáo ở khu vực này. Văn hoá Ấn-Phật bị đẩy lùi, chỉ còn lại dấu vết trên đảo Bali. Theo tiến sĩ Ngô Văn Doanh thì Hồi giáo cũng là một trong những yếu tố "tác động vào vương quốc Srivijaya và làm tan rã nền văn hoá ở Malaixia. Cũng chính Hồi giáo đã góp phần xô đổ toàn bộ gia sản tinh thần truyền thống chịu ảnh hưởng ấn Độ của Srivijaya" [10]. Từ đây trở đi, Hồi giáo gắn liền với cuộc sống của họ, trở thành tôn giáo chính thống tại các quốc gia này. Đại đa số nhân dân theo đạo Hồi. Đó là sự thay đổi lớn lao so với những thế kỉ trước đó. Không chỉ dừng lại ở đó, Hồi giáo đã được tiếp tục truyền bá đến Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philippin, Brunây, Thái Lan, Campuchia, Nam Việt Nam và Mianma. Tín đồ Hồi giáo trong thành phần cư dân ĐNA ngày một đông hơn

Văn hoá truyền thống ĐNA rất phong phú bởi sự tiếp thu có chọn lọc những yếu tố mới của những nền văn minh lớn bên ngoài, như Ấn Độ, Trung quốc. Tuy nhiên, trong quá trình đó, cư dân ĐNA vẫn bảo lưu những giá trị văn hoá truyền thống. Kết hợp một cách sáng tạo văn hoá bản địa với các yếu tố văn hoá ngoại lai, tạo nên sức sống mãnh liệt của nền văn hoá dân tộc mình. Và đến thế kỷ XIII, khi Phật giáo Theravada và Hồi giáo đặt chân đến khu vực này đã có tác động "cách mạng". Những yếu tố tôn giáo cũ dần bị đánh bại, thay thế vào đó là những mảng màu của những tôn giáo mới. Phật giáo Tiểu thừa và Hồi giáo xâm nhập vào đã tạo nên một xu hướng mới trong tư tưởng cư dân ĐNA. Và nói như GS Lương Ninh thì: "Thế kỉ XIII, ĐNA chuyển mình" [11]./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, 10. Ngô Văn Doanh, *Những biến đổi chính trị- kinh tế xã hội và văn hoá ở ĐNA thế kỉ XIII*. Tài liệu cá nhân. Tr. 3, 10.
2. Môrecô I.V, *Lịch sử Miến Điện*, Nxb KH Matxcova. 1997. Tr. 73.
3. Nguyễn Đình Lễ, *Đất nước Chùa Vàng*, NXBGD. 1988. Tr. 29.
4. Vũ Quang Thiện, *Ở xứ Chùa Vàng*, Nxb. VH-HN, 1988. Tr.66.
- 5, 6. Quế Lai, *Tìm hiểu lịch sử, văn hoá Thái Lan*, Tập 1, Nxb.KHXH 1994. Tr. 63, 72.
7. Lê Văn Quang, *Lịch sử vương quốc Thái Lan*. NXB. TP.HCM. 1995. Tr. 35
- 8, 11- Lương Ninh (Cb), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ - trung đại*, Nxb. GD 1998. Tr.269-270.
9. Lương Ninh, Đặng Đức An, *Lịch sử thế giới trung đại*, Q2, Tập2 - Nxb.GD 1976. Tr.56.